

Số: 188/QĐ-HVDT

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tiếp nhận học sinh hệ dự bị đại học vào học trình độ đại học
của Học viện Dân tộc năm học 2022 - 2023**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN DÂN TỘC

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục
Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại
học, xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục
mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ
trưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Học viện Dân tộc đào tạo trình độ đại học
hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 11/7/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Học viện Dân tộc;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BB-HĐTS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng tuyển sinh tuyển sinh đại học năm 2022 của Học viện Dân tộc;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận 25 học sinh hệ dự bị đại học của Trường Dự bị đại học
dân tộc Sầm Sơn vào học trình độ đại học hệ chính quy, ngành Kinh tế giáo dục
vùng dân tộc thiểu số của Học viện Dân tộc năm học 2022 - 2023 (Có danh sách
kèm theo).

Điều 2. Các học sinh có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng Quy
chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào
tạo và Học viện Dân tộc.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng
các đơn vị có liên quan và các học sinh hệ dự bị đại học có tên tại Điều 1 chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Thành viên HĐTS;
- Lưu: VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

GS. TS Trần Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC SÀM SƠN
VÀO HỌC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH KINH TẾ GIÁO DỤC CÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM HỌC 2022-2023
(Kèm theo Quyết định số 188/QĐ-HVDT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Giám đốc học viện Dân tộc)

TT	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Dân tộc	Tổ hợp môn	Điểm tổng kết	Điểm rèn luyện	Xét chuyển vào học ngành	
				Xã	Huyện	Tỉnh					Tên ngành	Mã ngành
1	Nguyễn Xuân Duy		4/12/2003	TT Phong Sơn	Cẩm Thủy	Thanh Hóa	Mường	C00	7,1	89,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
2	Hà Vĩnh Kiệt		3/21/2003	Kỳ Tân	Bá Thước	Thanh Hóa	Thái	C00	6,9	87,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
3	Cà Văn Thanh		3/26/2000	Chiềng Ngâm	Thuận Châu	Sơn La	Thái	C03	6,9	87,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
4	Trương Thị Thủy Tâm	x	12/12/2003	Cổ Lũng	Bá Thước	Thanh Hóa	Thái	C03	6,8	80,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
5	Nguyễn Trường Giang	x	9/28/2003	Nghĩa Thịnh	Nghĩa Đàn	Nghệ An	Thổ	D01	6,8	87,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
6	Sùng A Vang		7/17/2003	Mường Nhé	Mường Nhé	Điện Biên	H'mông	C00	6,6	87,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
7	Vì Văn Đạt		1/25/2003	Môn Sơn	Con Cuông	Nghệ An	Thái	C00	5,1	82,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
8	Xên Văn Đạt		9/3/2003	Tam Đình	Tương Dương	Nghệ An	Thái	C03	6,7	92,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
9	Nguyễn Thị Diệu	x	12/23/2003	TT Quảng Uyên	Quảng Hòa	Cao Bằng	Tày	D01	6,5	87,8	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
10	Đàm Thị Tuyền	x	9/15/2003	Quốc Toàn	Quảng Hòa	Cao Bằng	Tày	D01	6,5	87,8	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
11	Phạm Bá Thành		11/30/2003	Trung Thành	Quan Hóa	Thanh Hóa	Thái	C00	6,4	92,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
12	Lục Thị Hào	x	6/9/2003	Tân Lĩnh	Lục Yên	Yên Bái	Tày	C03	6,3	90,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
13	Hồ Xuân Thái		7/15/2000	Trung Sơn	A Lưới	Thừa Thiên Huế	Pa cô	C00	6,4	96,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
14	Lê Kim Hải		10/18/2003	Xuân Khang	Như Thanh	Thanh Hóa	Thái	C00	6,3	87,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
15	Giăng A Hồ		4/16/2002	Sín Chải	Tủa Chùa	Điện Biên	H'Mông	C00	6,3	86,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
16	Hà Văn Nam		3/15/2003	Diễn Hạ	Bá Thước	Thanh Hóa	Mường	C00	6,2	87,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101

17	Nông Thanh Tuấn		3/1/2003	Hung Đạo	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Tây	C00	6,1	91,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
18	Sùng A Cha		3/21/2003	Xá Nhè	Tủa Chùa	Điện Biên	H'mông	C03	6,1	89,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
19	Thao Pa Dề	x	10/2/2003	Na Mèo	Quan Sơn	Thanh Hóa	H'mông	C00	6,0	84,0	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
20	Vì Văn Nghiệm		9/16/2003	Thanh Quân	Như Xuân	Thanh Hóa	Thái	C00	6,0	89,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
21	Vì Sáng Ngọc		6/3/2003	Thanh Sơn	Như Xuân	Thanh Hóa	Thái	C00	5,8	83,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
22	Hà Anh Tú		11/20/2003	Thanh Phong	Như Xuân	Thanh Hóa	Thái	C00	5,7	88,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
23	Nông Quang Học		12/5/2003	Phúc Sen	Quảng Hòa	Cao Bằng	Nùng	C00	5,7	85,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
24	Tạ Quốc Quân		8/19/2003	TT Yên Cát	Như Xuân	Thanh Hóa	Thổ	C00	5,6	85,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101
25	Gia Tho Pó		9/8/2003	Nhi Sơn	Mường Lát	Thanh Hóa	H'mông	C00	5,5	88,5	Kinh tế giáo dục vùng dân tộc thiểu số	7310101

(Danh sách gồm: 25 học sinh)